

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~1078~~ /UBND-KTN
V/v thỏa thuận hướng tuyến và
công trình chính trên tuyến dự
án thành phần đoạn Quảng
Ngãi - Hoài Nhơn thuộc dự án
Đường bộ cao tốc Bắc – Nam
phía Đông giai đoạn 2021 –
2025, đoạn đi qua địa bàn tỉnh
Quảng Ngãi

Quảng Ngãi, ngày ~~11~~ tháng 3 năm 2022

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Theo nội dung Công văn số 1751/BGTVT-CQLXD ngày 24/02/2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc phối hợp triển khai Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía đông, giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh có ý kiến góp ý như sau:

1. Về thực hiện nội dung kiến nghị của UBND tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 4082/UBND-CNXD ngày 18/8/2021: Qua kiểm tra hồ sơ hướng tuyến, Ban Quản lý dự án 2 vẫn chưa tiếp thu nội dung kiến nghị của UBND tỉnh Quảng Ngãi cụ thể:

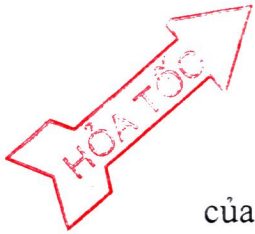
- Chưa có giải pháp dịch chuyển cục bộ tại vị trí đầu tuyến (Km0) về phía Nam (qua vị trí nút giao trực thông giữa đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi với đường tỉnh ĐT.623B) nhằm hạn chế ảnh hưởng đến đời sống Nhân dân, thuận lợi trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng sau này. Phương án thiết kế này có khối lượng giải phóng mặt bằng rất lớn, đặc biệt là nhà dân hiện đang sinh sống ổn định, nên việc GPMB tại vị trí này để bàn giao trong II/2023 là không khả thi. Do đó, đề nghị Ban Quản lý dự án 2, tư vấn thiết kế tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh hướng tuyến tại vị trí này. Trường hợp không điều chỉnh được hướng tuyến tại vị trí này, đề nghị Ban Quản lý dự án 2 nêu rõ lý do cụ thể.

- Hướng tuyến vẫn còn chồng lấn một phần với dự án Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ.

2. Nội dung góp ý của các đơn vị

- Rà soát, điều chỉnh hướng tuyến để hạn chế chồng lấn với phạm vi đất của Chùa Phước Bửu; điều chỉnh cục bộ tìm tuyến để không ảnh hưởng đến khu Di tích mộ và đền thờ cụ Huỳnh Công Thiệu tại Km45+570 (Di tích lịch sử Quốc gia).

- Tại các vị trí giao cắt với các tuyến địa phương hiện hữu ngoài đô thị,



theo định hướng quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang được tỉnh triển khai lập, đã báo cáo đầu kỳ vào ngày 13/01/2022, dự kiến báo cáo giữa kỳ vào cuối tháng 3/2022, theo đó, các tuyến đường tỉnh định hướng quy hoạch tối thiểu cấp III, đường huyện tối thiểu cấp IV. Vì vậy, đề nghị Ban Quản lý dự án 2 nghiên cứu, tính toán thiết kế các công trình hầm chui, cầu vượt phù hợp với quy mô theo định hướng quy hoạch phát triển giao thông vận tải trên địa các bản huyện, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương phát triển mạng lưới giao thông trong tương lai.

- Xem xét bổ sung nút giao liên thông với tuyến ĐT.624B (tại lý trình đường cao tốc khoảng Km19+300) theo như ý kiến của Bộ GTVT tại Công văn số 931/BGTVT-CQLXD ngày 26/01/2022 nhằm kết nối với khu vực phía Nam thành phố Quảng Ngãi, huyện Nghĩa Hành và phía Bắc huyện Mộ Đức; kết nối với đường Quốc lộ 1, đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh đang được tỉnh đầu tư xây dựng và các tuyến đường tỉnh trong khu vực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Nút giao tại Quốc lộ 24: đề nghị Chủ đầu tư và tư vấn thiết kế nghiên cứu dịch chuyển nút giao liên thông về phía Nam Quốc lộ 24 nhằm hạn chế giải phóng mặt bằng, tái định cư; Nút giao Đức Phổ: Đề nghị nghiên cứu giải pháp bố trí đường dẫn vào nút giao làm cầu vượt đường sắt và vượt đường huyện ĐH.44.

- Cần nghiên cứu và tính toán điều kiện thủy văn trong vùng dự án nhằm bố trí hệ thống công trình thoát nước ngang, thoát nước dọc cho phù hợp với địa hình từng khu vực trên tuyến đi qua để tránh tình trạng ngập úng phía thượng lưu sau khi hoàn thành dự án gây ảnh hưởng lớn đến đời sống của nhân dân trên địa bàn các huyện có tuyến đi qua.

- Đề nghị Ban quản lý dự án 2 và đơn vị tư vấn thiết kế nghiên cứu thay đổi phương án thiết kế hầm chui dân sinh tại lý trình Km9+415 (BxH=7,5x4,5m) thành Cầu vượt khẩu độ tối thiểu là L=18m, nguyên nhân tại vị trí giao cắt này là tuyến đường Nguyễn Nghiêm (đoạn nối dài) thuộc Đô thị thị trấn Chợ Chùa, là tuyến đường huyết mạch phục vụ cho việc đi lại vận chuyển hàng hóa của nhân dân trên địa bàn huyện Nghĩa Hành được thuận lợi góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Điều chỉnh giải pháp thiết kế từ hầm dân sinh sang cầu vượt tại các vị trí giao cắt: Km22+910, Km26+743, Km27+523, Km28+780, Km29+857, Km30+610, Km31+478.

- Đề nghị Ban quản lý dự án 2, tư vấn thiết kế nghiên cứu khẩu độ cầu tại các vị trí vượt sông Trà Câu, Lò Bó... cần xem xét đến quy hoạch nâng cao cao trình hồ Núi Ngang, hồ Liệt Sơn được phê duyệt tại Quyết định số 3281/QĐ-BNN-KH ngày 22/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để đưa ra giải pháp phương án khẩu độ cầu cho phù hợp, đảm bảo thoát nước trong tương lai.

- Bổ sung một số đoạn đường gom dân sinh dọc hai bên tuyến nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa và sản xuất cho nhân dân dọc hai bên tuyến được thuận lợi sau khi dự án hoàn thành.

- Ngoài ra, đề nghị Ban quản lý dự án 2 và đơn vị tư vấn thiết kế nghiên cứu tiếp thu hoàn chỉnh theo ý kiến góp ý tại buổi kiểm tra hiện trường ngày 02/3/2022 và ý kiến tại các buổi làm việc với địa phương.

(Gửi kèm phụ lục các nội dung kiến nghị)

Đề nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Quản lý dự án 2;
- VPUB: CVP, PCVP, các P.Ng/cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ).



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Công văn số 1078/UBND-KTN ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh)

STT	Lý do	Công trình	Hồ sơ thỏa thuận	Ý kiến địa phương	Ghi chú
1	Km34+857	Hầm DS	BxH=5.0x3.5m	Chuyển thành cầu chính tuyến, đảm bảo mặt cắt đường quy hoạch B= 13,5m.	Đường huyện ĐH.42 định hướng phát triển thành đường phân khu vực (theo Chương trình phát triển đô thị thị xã đến năm 2035)
2	Km35+860.00	Hầm DS	BxH=5.0x3.5m	Chuyển thành cầu chính tuyến, đảm bảo đường quy hoạch B= 31.4m	Theo quy chung đô thị Đức Phổ được UBND tỉnh phê duyệt (Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 17/11/2017)
3	Km36+900.00	Hầm DS	Không bố trí công trình	Chuyển thành cầu chính tuyến, đảm bảo mặt cắt đường quy hoạch B= 12.0m	Theo quy chung đô thị Đức Phổ được UBND tỉnh phê duyệt (Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 17/11/2017)
4	Km37+673.00	Hầm DS	BxH=5.0x3.5m	Chuyển thành cầu chính tuyến, đảm bảo mặt cắt đường quy hoạch B= 13,5m.	Theo quy chung đô thị Đức Phổ được UBND tỉnh phê duyệt (Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 17/11/2017)
5	Km38+250.00	Hầm DS	BxH=5.0x3.5m	Chuyển thành cầu chính tuyến,	Đường huyện ĐH.42D định hướng phát

STT	Lý trình	Công trình	Hồ sơ thỏa thuận	Ý kiến địa phương	Ghi chú
				đảm bảo mặt cắt đường quy hoạch B= 13,5m.	triển thành đường phân khu vực (theo Chương trình phát triển đô thị thị xã đến năm 2035)
6	Km40+050	Cầu Bến Bè	Cầu vượt qua sông Bến Bè và đường Huyện ĐH.43	Kéo dài nhịp, đảm bảo quy hoạch B=31.4m	Theo quy chung đô thị Đức Phổ được UBND tỉnh phê duyệt (Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 17/11/2017)
7	Km41+440	Cầu vượt Đèo Eo Gió	Cầu vượt ngang vượt cao tốc	Chuyển thành cầu vượt chính tuyến, vượt đường Quy hoạch ĐH44. B=31,4m	Theo quy chung đô thị Đức Phổ được UBND tỉnh phê duyệt (Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 17/11/2017)
8	Km42+922.00	Hầm DS	BxH=5.0x3.5m	Chuyển thành cầu vượt chính tuyến, vượt đường Quy hoạch ĐH46. B=31,4m	Theo quy chung đô thị Đức Phổ được UBND tỉnh phê duyệt (Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 17/11/2017)
9	Km44+185.00	Hầm DS	BxH=5.0x3.5m	Chuyển thành cầu vượt ngang, bề rộng 7,5m, đảm bảo 2 làn xe	Tuyến đường Trương định nối dài theo chi tiết phía Tây đô thị Đức Phổ

STT	Lý trình	Công trình	Hồ sơ thỏa thuận	Ý kiến địa phương	Ghi chú
10	Km47+220	Cầu cạn	Cầu cạn, tính không đường chui dưới 7.0x4.5	Chuyển thành cầu vượt chính tuyến, vượt đường Quy hoạch ĐH51B. B=31,4m	Theo quy chung đô thị Đức Phổ được UBND tỉnh phê duyệt (Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 17/11/2017)
11	Km49+420	Hầm DS	BxH=5.0x4.5	Chuyển thành cầu chính tuyến, đảm bảo mặt cắt đường quy hoạch B= 13,5m.	định hướng phát triển thành đường phân khu vực (theo Chương trình phát triển đô thị thị xã đến năm 2035)
12	Km55+040	Hầm DS	BxH=5.0x4.5	Chuyển thành cầu chính tuyến, đảm bảo mặt cắt đường quy hoạch B= 13,5m.	định hướng phát triển thành đường phân khu vực (theo Chương trình phát triển đô thị thị xã đến năm 2035)

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Công văn số 1078/UBND-KTN ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh)

STT	Địa phận	Số lượng	Lý trình	Khẩu độ	Ghi chú
1	Phổ Phong	5 hầm	33+352.00	BxH=5.0x3.5m	
2			34+660.00	BxH=5.0x3.5m	
3			35+400.00	BxH=5.0x3.5m	
4			36+266.00	BxH=5.0x3.5m	
5			36+706.00	BxH=5.0x3.5m	
6	Phổ Nhơn	3 hầm	39+285.00	BxH=5.0x3.5m	
7			39+826.00	BxH=5.0x3.5m	
8			40+700.00	BxH=5.0x3.5m	
9	Phổ Ninh	3 hầm	41+843.00	BxH=5.0x3.5m	
10			42+384.00	BxH=7,5x4.5m	định hướng phát triển thành đường phân khu vực (theo Chương trình phát triển đô thị thị xã đến năm 2035)
11			43+411.00	BxH=7,5x4.5m	định hướng phát triển thành đường phân khu vực (theo Chương trình phát triển đô thị thị xã đến năm 2035)
12	Phổ Hoà	04 hầm	44+756.00	BxH=5.0x3.5m	
13			45+500.00	BxH=5.0x3.5m	
14			46+520.00	BxH=5.0x3.5m	
15			46+900.00	BxH=5.0x3.5m	
16	Phổ Cường	04 hầm	48+820.00	BxH=5.0x3.5m	
17			Km50+220	BxH=5.0x3.5 và làm đường gom về Km49+420	
18			Km50+700	BxH=5.0x3.5 và làm đường gom về Km49+420	
19			Km53+520	BxH=5.0x3.5 và làm đường gom về Km55+040	

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Công văn số 1038/UBND-KTN ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh)



Địa phần	Số lư ợn g	Lý trình đầu	Lý trình cuối	Chiều dài (m)	Phía	Ghi chú
Phổ Phong	1	Km31+484.00	Km33+660.00	2176	Trái tuyến	Đường BTXM
	2	Km33+660.00	Km34+320.00	660	Trái tuyến	Đường BTXM
	3	Đề nghị bố trí đường gom dân sinh kết nối từ tuyến đường huyện DH.42 dẫn chui qua cao tốc tại hầm chui (5,0m; 3,5m) tại Km34+660 và chạy dọc phía tây cao tốc kết nối với DH.42 tại lý trình Km34+410				
Phổ Nhơn	4	Km34+857.00	Km35+270.00	413	Trái tuyến	Đường BTXM
	5	Km35+758.00	Km35+860.00	102	Trái tuyến	Đường BTXM
	6	Km36+706.00	Km36+882.00	176	Phải tuyến	Đường BTXM
	7	Đề nghị bố trí 02 tuyến đường gom kết nối tuyến đường Hiệp An – Hùng Nghĩa với tuyến QL24 tại nút giao liên thông				
Phổ Nhơn	8	Km37+410.00	Km37+673.00	263	Trái tuyến	Đường BTXM
	9	Km37+650.00	Km37+830.00	180	Phải tuyến	Đường BTXM
	10	Km38+212.00	Km38+792.00	580	Trái tuyến	Đường BTXM
	11	Km38+877.00	Km39+826.00	949	Trái tuyến	Đường BTXM
	12	Km39+928.00	Km40+206.00	278	Trái tuyến	Đường BTXM
Phổ	13	Km41+378.00	Km42+392.00	1014	Phải tuyến	Đường BTXM

Địa phận	Số lư ợn g	Lý trình đầu	Lý trình cuối	Chiều dài (m)	Phía	Ghi chú
Ninh	14	Km43+411.00	Km43+612.60	202	Phải tuyến	Đường BTXM
	15	Km43+673.00	Km43+751.50	079	Trái tuyến	Đường BTXM
Nguyễn Nghiêm	16	Km43+751.50	Km44+650.00	899	Hai bên tuyến	Đường BTXM
Phổ Hoà	17	Km44+650.00	Km45+267.00	617	Trái tuyến	Đường BTXM
	18	Km45+874.00	Km46+340.00	466	Trái tuyến	Đường BTXM
	19	Km46+826.00	Km46+900.00	74	Trái tuyến	Đường BTXM
	20	Km47+180.00	Km47+250.00	70	Phải tuyến	Đường BTXM
Phổ Cường	21	Km51+040.00	Km51+260.00	220	Trái tuyến	Đường BTXM
	22	Km49+420.00	Km49+510.00	90	Phải tuyến	Đường BTXM
	23	Km50+540.00	Km50+700.00	160	Phải tuyến	Đường BTXM
	24	Km51+060.00	Km51+400.00	340	Phải tuyến	Đường BTXM
	25	Km53+200.00	Km53+600.00	400	Phải tuyến	Đường BTXM
	26	Km54+700.00	Km54+900.00	200	Phải tuyến	Đường BTXM

PHỤ LỤC 4

(Kèm theo Công văn số 1078 /UBND-KTN ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh)

STT	Lý trình	Loại công	Khẩu độ	Mương	Ghi chú
1	Km33+064.00	Hộp	BxH=3x3m		Xã Phổ Phong
2	Km33+082.00	Tròn	D1.25m	Mương xây	
3	Km33+095.00	Hộp	BxH=2x2m		
4	Km33+162.00	Tròn	D1.25m	Mương xây	
5	Km33+349.00	Tròn	D1.25m		
6	Km33+360.00	Tròn	D1.25m		
7	Km33+535.00	Hộp	BxH=3x3m		
8	Km33+810.00	Hộp	BxH=3x3m		
9	Km33+934.00	Tròn	D1.25m	Mương xây	
10	Km34+129.00	Tròn	D1.25m	Mương xây	
11	Km34+282.00	Hộp	BxH=3x3m		
12	Km34+421.00	Tròn	D1.25m	Mương xây	
13	Km34+660.00	Cầu		Cầu vượt sông	
14	Km34+731.00	Hộp	2(3.0x3.0)		
15	Km34+850.00	Tròn	D1.5m		
16	Km34+866.00	Tròn	D1.25m	Mương xây	
17	Km35+107.00	Hộp	BxH=3x3m		
18	Km35+205.00	Hộp	Cầu dài 6.0m		
19	Km35+393.00	Tròn	D1.25m		
20	Km35+638.00	Tròn	D1.25m		
21	Km35+807.00	Tròn	D1.25m	Mương xây	
22	Km36+305.00	Tròn	D1.25m		
23	Km36+396.00	Tròn	D1.25m		
24	Km36+603.00	Hộp	BxH=3x1.5m	Kênh tưới B2	
25	Km37+004.00	Tròn	D1.25m	Mương xây	
26	Km37+200.00	Cầu		Sông Trà Câu	Xã Phổ Nhon
27	Km37+502.00	Tròn	D1.25m		
28	Km37+790.00	Tròn	D1.25m	Mương xây	
29	Km38+130.00	Tròn	D1.25m	Mương xây	

STT	Lý trình	Loại cống	Khẩu độ	Mương	Ghi chú
30	Km38+403.00	Tròn	D1.25m	Mương xây	
31	Km38+628.00	Hộp	BxH=3x(3x3m)		
32	Km38+880.00	Cầu		Cầu vượt sông	
33	Km39+012.00	Tròn	D1.25m	Mương xây	
34	Km39+900.00	Cầu		Sông Bến Bè	
35	Km40+281.00	Tròn	D1.25m		
36	Km40+682.00	Tròn	D1.5m		
37	Km41+432.00	Tròn	D1.5m		xã Phổ Ninh
38	Km41+676.00	Hộp	BxH=2x2m		
39	Km41+838.00	Hộp	BxH=2x2m		
40	Km42+392.00	Tròn	D1.25m		
41	Km42+460.00	Cầu		Sông Quán	
42	Km42+671.00	Tròn	D2.0m		
43	Km42+883.00	Tròn	D1.25m		
44	Km43+408.00	Tròn	D1.25m		
45	Km43+636.00	Cầu		Cầu vượt sông	Phường Nguyễn Nghiêm
46	Km43+879.00	Tròn	D1.25m		
47	Km44+099.00	Tròn	D1.25m		
48	Km44+198.00	Tròn	D1.25m		Phường Phổ Hòa (địa phương đề nghị tăng khẩu độ cống tại Km46+967.00 từ BXH=2x2m thành BXH=3x3m và bổ sung 01 cống BXH=3x3m
49	Km45+253.00	Tròn	D1.5m		
50	Km45+377.00	Hộp	BxH=3x1.5m	Kênh Liệt Sơn	
51	Km45+759.00	Hộp	BxH=3x3m		
52	Km45+792.00	Tròn	D1.25m		
53	Km46+328.00	Hộp	BxH=2x(3x3m)	Kênh tưới N2	
54	Km46+410.00	Cầu	Đề nghị mở rộng khẩu độ để vượt đường BTXM hiện hữu	Cầu vượt sông Lò Bó	
55	Km46+370.00	Tròn	D1.50		

STT	Lý trình	Loại cống	Khẩu độ	Mương	Ghi chú
56	Km46+520.00	Tròn	D1.25m	Bổ sung	tại Km47+100 để đảm bảo thoát nước khu vực phía Tây)
57	Km46+967.00	Hộp	BxH=3x3m	Tăng khẩu độ	
58	Km47+100.00	Hộp	BxH=3x3m	Bổ sung	
59	Km49+090.00	Tròn	D1.25		xã Phổ Cường
60	Km49+290.00	Hộp	3.0x3.0		
61	Km49+640.00	Tròn	D1.25		
62	Km49+820.00	Hộp	1.0x1.0		
63	Km50+040.00	Cầu	L = 12	Cầu	
64	Km50+215.00	Hộp	1.0x1.0	mương xây	
65	Km50+220.00	Tròn	1.25	mương đất	
66	Km50+515.00	Tròn	1.25	mương đất	
67	Km50+860.00	Tròn	1.25		
68	Km50+920.00	Hộp	1.0x1.0	xây	
69	Km51+040.00	Hộp	2(4x3)		
70	Km51+360.00	Hộp	3.0x3.0	kênh tưới, cải mương do chéo	
71	Km51+590.00	Hộp	3.0x3.0	thoát nước lưu vực	
72	Km52+080.00	Tròn	1.25	thoát nước lưu vực	
73	Km53+050.00	Tròn	D1.25	thoát nước lưu vực	
74	Km53+320.00	Hộp	1.0x1.0	mương xây, cải mương do chéo	
75	Km53+680.00	Hộp	1.0x1.0	mương xây, cải mương hai bên do chéo và kết nối với mương khác	
76	Km53+835.00	Tròn	D1.25	mương đất	
77	Km54+010.00	Tròn	D1.25	mương đất	

STT	Lý trình	Loại cống	Khẩu độ	Mương	Ghi chú
78	Km54+110.00	Cầu	L = 15	Cầu	
79	Km54+250.00	Tròn	D1.25	mương đất	
80	Km54+710.00	Hộp	1.0x1.0	mương xây	

PHỤ LỤC 5
(BỘ TRÍ CÁC CẦU VƯỢT SÔNG, SUỐI)

(Kèm theo Công văn số 4078 /UBND-KTN ngày 11 /3/2022 của UBND tỉnh)

TT	Tên cầu	Lý trình	Địa phận	Ghi chú
1	Cầu vượt sông	Km34+660	Phổ Phong- Đức Phổ - Quảng Ngãi	
2	Cầu vượt sông Trà Cầu	Km37+200	Phổ Phong & Phổ Nhơn - Đức Phổ - Quảng Ngãi	Vượt sông Trà Cầu
3	Cầu vượt sông	Km38+880	Phổ Nhơn - Đức Phổ - Quảng Ngãi	
4	Cầu vượt sông Bến Bè	Km39+900	Phổ Nhơn - Đức Phổ - Quảng Ngãi	Vượt sông Bến Bè, kết hợp vượt đường ngang
5	Cầu vượt sông Quán	Km42+460	Phổ Ninh - Đức Phổ - Quảng Ngãi	Vượt sông Quán
6	Cầu vượt sông	Km43+636	Phổ Ninh - Đức Phổ - Quảng Ngãi	
7	Cầu vượt kênh và đường	Km45+377	Phổ Hòa - Đức Phổ - Quảng Ngãi	Vượt sông kết hợp vượt đường ngang
8	Cầu vượt sông Lò Bó	Km46+410	Phổ Hòa - Đức Phổ - Quảng Ngãi	Vượt sông kết hợp vượt đường ngang
9	Cầu vượt dòng	Km50+040	Phổ Cường - Đức Phổ - Quảng Ngãi	
10	Cầu vượt dòng	Km54+110	Phổ Cường - Đức Phổ - Quảng Ngãi	

**PHỤ LỤC 6****(TỔNG HỢP VỊ TRÍ THOÁT NƯỚC NGANG
ĐƯỜNG NÚT GIAO SA HUỖNH ĐI QL1)***(Kèm theo Công văn số 1078 /UBND-KTN ngày 11 /3/2022 của UBND tỉnh)*

Lý trình	Công trình	Đề xuất thiết kế dự án	Ghi chú
0 + 080.00	Cống tròn	D1.25	Mương đất
0 + 170.00	Cống hộp	1.0x1.0	Mương xây
0 + 480.00	Cống tròn	D1.25	Mương đất
0 + 650.00	Cống hộp	1.0x1.0	Mương xây
0 + 700.00	Cống tròn	D1.25	Mương tiêu
0 + 780.00	Cống hộp	1.0x1.0	Mương xây
0 + 960.00	Cống tròn	D1.25	Mương đất
1 + 060.00	Cống tròn	D1.25	Cống cầu tạo
1 + 120.00	Cống hộp	1.0x1.0	Mương xây
1 + 140.00	Cống hộp	3(3.0x3.0)	
1 + 445.00	Cống tròn	D1.25	Mương đất
1 + 555.00	Cống tròn	D1.25	Mương đất
1 + 675.00	Cống tròn	D1.25	
1 + 815.00	Cống hộp	2.0x2.0	Mương tiêu
1 + 965.00	Cống tròn	D1.25	Mương đất
2 + 175.00	Cầu	L=15m	Cầu
2 + 215.00	Cống hộp	1.0x1.0	Mương xây
2 + 340.00	Cống tròn	D1.5	Cống tiêu
2 + 370.00	Cống tròn	D1.5	Cống tiêu
2 + 615.00	Cống hộp	1.0x1.0	Mương xây
2 + 700.00	Cống tròn	D1.25	Cống tiêu
2 + 750.00	Cống tròn	D1.5	Mương tiêu